

Bản án số: 53/2026/HSST
Ngày 20 tháng 4 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Viết Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Trung Tuyển
- Ông Phạm Viết Nguyên

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Lê Anh Thơ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Cao Văn T, sinh ngày 05/01/1998 tại xã Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn X, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 038098018950, cấp ngày 20/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; con ông Cao Văn Q, sinh năm 1976 và bà Lưu Thị L, sinh năm 1976; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 56/2022/HS-ST ngày 09/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa) đã xử phạt bị cáo 14 (Mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ 18 (Mười tám) ngày (quy đổi từ 06 ngày tạm giữ từ 22/3/2022 đến 27/3/2022), bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2025 đến ngày 26/12/2025 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/10/1995 tại xã Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn F, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 038095006328, cấp ngày 20/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970 và bà Trần

Thị T1, sinh năm 1975; có vợ là Lê Thị Thanh H, sinh năm 1997 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2025 đến ngày 26/12/2025 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Trịnh Đình B, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn T có quen một thanh niên qua tài khoản Telegram tên T2. Quá trình nói chuyện trên ứng dụng T3 thì T2 nói có ma túy bán. Thúc sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A56 5G, vỏ màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao: 0347943458 của mình liên lạc với T2 qua ứng dụng Telegram hỏi mua ma túy và T2 đồng ý bán cho T 01 (Một) gói ma túy dạng tinh thể màu trắng và 01 (Một) viên ma túy tổng hợp với giá 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). Chiều ngày 16/12/2025, T2 đến kênh M, cạnh thôn X, xã Q giao ma túy cho T. Sau khi nhận ma túy, T mang về cất giấu ở đồng gạch trước cửa nhà, tìm người mua để bán kiếm lời. T nói với Nguyễn Văn C xem có ai mua ma túy không, có thì báo cho T, khi bán được ma túy T sẽ cho C ít tiền xăng xe, C đồng ý. Sáng ngày 19/12/2025, Trịnh Đình B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A16k của mình nhắn tin cho C qua ứng dụng Zalo hỏi mua 01 (Một) viên ma túy tổng hợp. Lúc này, C dùng điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, loại Note 12 của mình nhắn tin Zalo cho T hỏi có ma túy loại “Kẹo” bán không. Thúc trả lời, chỉ có 01 (Một) viên ma túy “Kẹo” thôi, thì C nói lấy cho C 01 (Một) viên “Kẹo” trên. T nói với C báo giá là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), C liên hệ lại với anh B và nói giá là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Cảnh đưa số tài khoản Ngân hàng V, số 1015490098 mang tên Nguyễn Văn C cho anh B để nhận tiền, Ba chuyển cho C 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và nói trả cho C 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền công trước đây C chở vật liệu xây dựng cho Ba đang còn nợ, còn lại 600.000 đồng để C mua ma túy, sau đó C chuyển tiền sang tài khoản Ngân hàng A, số tài khoản 3512198255555 của mình. Sau khi nhận được tiền, C liên hệ lại với T để hẹn thời gian lấy ma túy, T hẹn C chiều tối sẽ giao ma túy. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T liên hệ với C và hẹn ra cổng chào thôn H, xã Q để giao ma túy. Khi gặp nhau và giao ma túy, T đưa số tài khoản Ngân hàng A, số 3512205356177 của mình để C chuyển tiền. C sử dụng tài khoản ngân hàng của mình chuyển vào tài khoản ngân hàng của T số tiền mua ma túy là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Sau đó, T về nhà trước, còn một mình C đi giao ma túy cho Ba. Khoảng 19 giờ, anh B nhắn tin cho C bảo ra bờ đê thôn A,

xã Q để giao ma túy. Lúc này, C đang ăn uống cùng Phạm Văn L1 nên mượn xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu đỏ, BKS: 36B6-693.03 của L1 và mang ma túy đi giao cho anh B. Trên đường giao ma túy về thì C gặp Tổ công tác Công an xã Q kiểm tra. Quá trình làm việc với Công an xã Q đến ngày 20/12/2025, nhận thấy việc mình làm là sai, vi phạm pháp luật, không thể trốn tránh nên T và C đã đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp các đồ vật, tài liệu có liên quan gồm: Thức giao nộp 01 (Một) túi nilon trong suốt, có viền kéo màu xanh, bên trong chứa các tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A56 5G, vỏ màu đen, số IMEI 1: 866014067418479, số IMEI 2: 866014067418461, số seri: SGQWVOQOLRVC4XZL, gắn thẻ sim số thuê bao: 0347943458; 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu đỏ, BKS: 36B6-693.03, số khung: RLHJF5132GZ351281, số máy: JF51E0963075, xe đã qua sử dụng; Cảnh giao nộp 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, loại Note 12, 256Gb, số IMEI 1: 865792061180200, số IMEI 2: 865792061180218, gắn thẻ sim số thuê bao: 0984759775, vỏ màu xám xanh, đã qua sử dụng; Trịnh Đình B giao nộp 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A16k, số IMEI 1: 868289055258214, IMEI 2: 868289055258206; Số seri: GMJVHQZ5GEEIIZI7, vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0335684526, điện thoại đã qua sử dụng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cao Văn T tại thôn X, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở của Nguyễn Văn C tại thôn F, xã Q, tỉnh Thanh Hóa và chỗ ở của Trịnh Đình B tại thôn A, xã Q, tỉnh Thanh Hóa, đều không phát hiện thu giữ gì.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chất ma túy và dữ liệu điện tử, kết quả:

- Tại Bản kết luận giám định số 169/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của Phòng K1 (Phòng PC09) Công an tỉnh T kết luận:

+ Các tinh thể màu trắng của phong bì do Công an xã Q phát hành, mặt trước có ghi “Cao Văn Thức 2” niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,543g (không phải năm bốn ba gam) loại: Ketamine.

+ Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine, MDMA trong nước tiểu ghi thu của Trịnh Đình B gửi đến giám định.

+ Không tìm thấy ma túy và sản phẩm chuyển hóa của ma túy trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn C, Cao Văn T gửi đến giám định.

- Tại Bản kết luận giám định số 1423/KL-KTHS ngày 11/3/2026 của Phòng PC09 Công an tỉnh T kết luận:

+ Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12: Không tìm thấy dữ liệu xóa trong ngày 19/12/2025.

+ Đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A56 5G: Tìm thấy 08 (Tám) tin nhắn M đã xóa, 11 (Mười một) tin nhắn Zalo đã xóa.

Về nguồn gốc số ma túy: Cao Văn T khai nhận đã mua được số ma túy gồm 01 (Một) túi ma túy dạng tinh thể màu trắng và 01 (Một) viên ma túy tổng hợp

của một người đàn ông có tài khoản T3 tên T2 với giá 2.800.000 đồng tại kênh M, thôn X, xã Q, tỉnh Thanh Hóa vào chiều ngày 16/12/2025. Sau đó T đã đưa 01 (Một) viên ma túy tổng hợp cho C để bán cho Trịnh Đình B, số ma túy còn lại T cất giữ nhằm mục đích bán để kiếm lời. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phối hợp với Phòng K1 Công an tỉnh T phục hồi dữ liệu điện thoại của Cao Văn T, nhưng không thể hiện lịch sử cuộc gọi, nội dung tin nhắn trong ứng dụng Telegram. T không biết rõ lai lịch của người đàn ông tên T2 đã bán ma túy cho T, nhưng đến nay chưa xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Vật chứng của vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A56 5G, vỏ màu đen, số IMEI 1: 866014067418479, số IMEI 2: 866014067418461, số seri: SGQWVOQOLRVC4XZL, gắn thẻ sim số thuê bao: 0347943458; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, loại Note 12, 256Gb, số IMEI 1: 865792061180200, số IMEI 2: 865792061180218, gắn thẻ sim số thuê bao: 0984759775, vỏ màu xám xanh, đã qua sử dụng liên quan đến việc phạm tội; Số tiền 600.000 đồng các bị cáo bán ma túy cho Trịnh Đình B ngày 19/12/2025 mà có.

Đối với 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu đỏ, BKS: 36B6-693.03, số khung: RLHJF5132GZ351281, số máy: JF51E0963075, xe đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe máy đứng tên Trịnh Thị X, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa (vợ của Phạm Văn L1). Việc C mượn xe của L1 để đi giao ma túy cho B, L1 không biết, nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Trịnh Thị X. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A16k, số IMEI 1: 868289055258214, IMEI 2: 868289055258206; Số seri: GMJVHQZ5GEEIIZI7, vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0335684526, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Trịnh Đình B, sau khi kiểm tra thông tin, dữ liệu điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh B.

Cáo trạng số 06/CT-VKSKV 8 ngày 26/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá, truy tố các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về điều luật áp dụng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C,

- Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 03 (Ba) năm 08 (Tám) tháng đến 03 (Ba) năm 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2025;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2025;

- + Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.
- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,
- + Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành và 02 thẻ sim điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.
- + Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 (Hai) điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.
- + Truy thu để sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ các bị cáo đã bán ma túy cho Lê Đình B1 ngày 19/12/2025 mà có.
- + Đối với 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu đỏ, BKS: 36B6-693.03; 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A16k, số IMEI 1: 868289055258214, IMEI 2: 868289055258206, gắn thẻ sim số thuê bao 0335 684 526, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, nên miễn xét.
- Về án phí: Các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C thành khẩn nhận tội; không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp để có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C thành khẩn nhận tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Vì hám lời, ngày 16/12/2025 Cao Văn T đã mua của một người đàn ông tên T2 (không rõ lai lịch cụ thể) một lượng ma túy gồm các hạt tinh thể màu trắng và 01 (Một) viên ma túy tổng hợp (kẹo) với số tiền 2.800.000 đồng để bán. Nguyễn Văn C được T hứa hẹn trả công khi bán được chất ma túy giúp T. Ngày 19/12/2025, Cao Văn T đã giao cho Nguyễn Văn C một viên ma túy tổng hợp (kẹo) để bán cho Trịnh Đình

B được 600.000 đồng, sau khi giao dịch mua bán giữa C và Ba hoàn thành thì C bị bắt. Đến sáng ngày 20/12/2025, T và C đã đầu thú, T đã tự nguyện giao nộp số ma túy còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Các bị cáo và anh Trịnh Đình B đều thừa nhận, T và C đã bán cho anh B 01 (Một) viên ma túy tổng hợp, anh B thừa nhận đã sử dụng viên ma túy này nên không có căn cứ để xác định trọng lượng của viên ma túy. Tại Bản kết luận giám định số 169/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: “Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì do Công an xã Q phát hành mặt trước có ghi “Cao Văn Thức 2” niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,543g (không phải năm bốn ba gam) loại: Ketamine; Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine, MDMA trong nước tiêu ghi thu của Trịnh Đình B gửi đến giám định”. Như vậy, có cơ sở để xác định số ma túy T giao nộp là Ketamine; số ma túy các bị cáo bán cho anh B có thành phần là Methamphetamine và MDMA.

Hành vi của Cao Văn T và Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. T và C đã bán chất ma túy 01 lần, do không xác định được trọng lượng số ma túy các bị cáo đã bán cho B, nên căn cứ vào loại chất ma túy theo kết quả giám định và trọng lượng chất ma túy Cao Văn T giao nộp làm cơ sở định khung hình phạt đối với các bị cáo.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa truy tố Cao Văn T và Nguyễn Văn C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong nhân dân. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm, đấu tranh loại trừ các tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo. Các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C cố ý cùng thực hiện tội phạm “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Cao Văn T là người bỏ tiền mua ma túy, trực tiếp cất dấu chất ma túy, quyết định việc bán chất ma túy, nên có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo C; bị cáo Nguyễn Văn C là người thực hành tích cực liên hệ tìm nơi bán ma túy, trực tiếp bán ma túy, nên C là đồng phạm có vai trò giúp sức và phải chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo T.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện đầu thú; riêng bị cáo C có ông nội là ông Nguyễn Văn N đã tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng Huy hiệu C1 và Huân chương Kháng chiến hạng Nhì nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự nhân

đạo, khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Cao Văn T có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa) kết án về tội Đánh bạc, nhưng không tích cực cải tạo trở thành người tốt, vì hám lợi mà lại tiếp tục phạm tội; bị cáo Nguyễn Văn C có nhân thân tốt, nhưng các bị cáo đều phạm tội nghiêm trọng do cố ý, không có khả năng tự cải tạo, cần áp dụng Điều 38 của BLHS, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù với mức hình phạt nghiêm và cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội về ma túy, nhưng các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên căn cứ khoản 2 Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trịnh Đình B, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định không đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” nên đã chuyển hồ sơ đến Công an xã Q, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính, nên không xem xét.

[8]. Đối với người đàn ông tên T2 đã bán ma túy cho T, nhưng T không biết lai lịch của người này, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

[9]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành là vật cấm tàng trữ lưu, lưu hành và 02 (Hai) thẻ sim điện thoại di động cá bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

+ 02 (Hai) điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 600.000 đồng bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C bán ma túy cho Trịnh Đình B2 ngày 19/12/2025 là tiền do phạm tội mà có, T là người giữ tiền nên buộc T phải giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu đỏ, BKS: 36B6-693.03, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe máy đứng tên Trịnh Thị X, trú tại thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa (vợ của Phạm Văn L1). Việc C mượn xe của L1 để đi giao ma túy cho B2, anh L1 và chị X không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chị X và anh L1, nên miễn xét.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A16k, số IMEI 1: 868289055258214, IMEI 2: 868289055258206, gắn thẻ sim số thuê bao 0335684526, thu giữ của Trịnh Đình B, sau khi kiểm tra thông tin, dữ liệu điện thoại không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh B, nên miễn xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C bị kết án và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí hoặc được miễn án phí, nên phải chịu án

phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20/12/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20/12/2025.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 (Một) phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, đựng toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0,503g (Không phải năm không ba gam) các tinh thể màu trắng; 01 (Một) thẻ sim điện thoại di động số thuê bao 0347943458 thẻ sim không hoạt động, trên thân sim có dãy số 89840480009359855500; 01 (Một) thẻ sim điện thoại di động số thuê bao 0984759775 thẻ sim không hoạt động, trên thân sim có dãy số 8984048000949252010.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số vật chứng gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A56 5G, vỏ màu đen, seri: SGQWVOQOLRVC4XZL, IMEI 1: 866014067418479, IMEI 2: 866014067418461; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, loại Note 12, vỏ màu xám xanh, IMEI 1: 865792061180200, IMEI 2: 865792061180218.

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 57, ngày 27/3/2026.

+ Truy thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng các bị cáo bán ma túy cho Trịnh Đình B ngày 19/12/2025 mà có để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo Cao Văn T phải giao nộp số tiền trên.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo

phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo Cao Văn T và Nguyễn Văn C. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám